TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-8-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nữ.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T *tham gia phiên tòa:* Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 322/64, đường L, tổ 68, khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 322/64, đường H, tổ 68, khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh N trình bày:

Bà Lê Thị Thanh N và ông Nguyễn Hồng Q là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01 ngày 28 tháng 5 năm 2008. Thời gian đầu sau khi kết hôn, bà N và ông Q chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Mặc dù sống chung trong một gia đình nhưng cả hai không còn quan tâm, yêu thương nhau và cùng nhau thực hiện các công việc chung trong gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà N và ông Q không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hồng Q được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Q không đến Tòa án nhân dân thành phố T làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án, vì vậy Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn ông Q về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông Q đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung: Bà N và ông Q không có con chung nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bị đơn ông Q nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Q đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Nguyên đơn bà N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, bị đơn ông Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa vào các ngày 14 tháng 7 năm 2023 và 07 tháng 8 năm 2023 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và 238

của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N và ông Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Q tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01 ngày 28 tháng 5 năm 2008. Hôn nhân của bà N và ông Q là hợp pháp.

Bà N cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung; mặc dù sống chung trong gia đình nhưng cả hai không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau thực hiện các công việc chung trong gia đình; do đó bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Hội đồng xét xử xét thấy qua xác minh tại địa phương để xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bà N và ông Q thì địa phương không rõ vì vợ chồng bà N và ông Q không trình báo với địa phương về vấn đề mâu thuẫn gia đình. Tuy nhiên thực tế, tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông Q đã không còn nên bà N mới khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Q; ông Q được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án, chứng tỏ ông Q cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà N. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà N và ông Q đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn; bà N và ông Q không còn quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau thực hiện các công việc chung trong gia đình; mục đích hôn nhân giữa bà N và ông Q không đạt được. Do đó yêu cầu của bà N về việc được ly hôn với ông Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông Q không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh N đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng Q về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh N được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Q.

- Về con chung: Bà Lê Thị Thanh N và ông Nguyễn Hồng Q không có con chung nên không đặt vấn đề giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt vấn đề giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002910 ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hằng